

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2015-2020

Thực hiện Đề án thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân giai đoạn 2012-2015 và 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 và Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 06/3/2013 của Tỉnh ủy Cao Bằng thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị (Khóa XI) về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội giai đoạn 2013-2020, UBND tỉnh Cao Bằng xây dựng Kế hoạch thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2015-2020 như sau:

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu chung

Mở rộng phạm vi bao phủ của bảo hiểm y tế (BHYT) về tỷ lệ dân số tham gia BHYT, bảo đảm quyền lợi của người tham gia BHYT, tiến tới BHYT toàn dân, góp phần tạo nguồn tài chính ổn định cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân theo hướng công bằng, hiệu quả, chất lượng và phát triển bền vững.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

a) Tăng tỷ lệ dân số tham gia BHYT: duy trì các nhóm đối tượng đã tham gia BHYT đạt tỷ lệ 100%; mở rộng các nhóm đối tượng để đến năm 2015 đạt tỷ lệ trên 91% dân số tham gia BHYT, đến năm 2020 có khoảng 96% dân số toàn tỉnh tham gia BHYT (*Chi tiết tại Biểu 01, Biểu 02 Phụ lục đính kèm*).

b) Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh (KCB) BHYT, bảo đảm quyền lợi của người tham gia BHYT theo quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu KCB của người tham gia BHYT; cải cách thủ tục hành chính trong KCB BHYT, trong thanh toán chi phí KCB BHYT.

c) Từng bước đổi mới cơ chế tài chính theo hướng đầu tư trực tiếp cho người thụ hưởng dịch vụ y tế thông qua hình thức hỗ trợ tham gia BHYT, bảo đảm cân đối thu - chi quỹ BHYT, phân đầu giảm tỷ lệ chi tiêu y tế trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình xuống dưới 40% vào năm 2020.

#### II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

##### 1. Huy động sự tham gia của hệ thống chính trị

Đưa chỉ tiêu, kế hoạch thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm của địa phương.

Thực hiện tiêu chí phát triển BHYT tiến tới mục tiêu bao phủ BHYT toàn dân gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định chính sách, pháp luật về BHYT.

2. Tuyên truyền, phổ biến, chính sách pháp luật về BHYT: tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội giai đoạn 2013-2020; Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12, Luật số 46/2014/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân giai đoạn 2012-2015 và 2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan; Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 06/3/2013 của Tỉnh ủy Cao Bằng thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị (Khóa XI) về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội giai đoạn 2013-2020.

### 3. Tăng tỷ lệ bao phủ BHYT

a) Đối với các nhóm đối tượng đã đạt tỷ lệ bao phủ đạt 100%: tiếp tục duy trì tỷ lệ bao phủ, tăng cường tiếp cận các dịch vụ y tế đồng thời tiếp tục thực hiện các giải pháp tuyên truyền chính sách, pháp luật về BHYT để đến năm 2020 tất cả các nhóm đối tượng đều tham gia và tỷ lệ bao phủ toàn tỉnh đạt 96% theo mục tiêu đề ra.

b) Đối với một số nhóm đối tượng có tỷ lệ tham gia BHYT thấp, cần kết hợp những giải pháp cụ thể phù hợp với từng nhóm đối tượng như sau:

- Nhóm người lao động trong các doanh nghiệp: tăng cường công tác quản lý nhà nước về thực hiện chính sách, pháp luật BHYT trong các doanh nghiệp; xử lý nghiêm minh các doanh nghiệp không thực hiện quy định pháp luật về BHYT.

- Học sinh, sinh viên: đưa tiêu chí về tỷ lệ tham gia BHYT học sinh, sinh viên là một trong các tiêu chí đánh giá thi đua của Sở Giáo dục và Đào tạo, các phòng Giáo dục và Đào tạo, các nhà trường; tăng cường trách nhiệm của nhà trường trong phối hợp thực hiện pháp luật về BHYT, công tác chăm sóc sức khỏe học đường, quyền lợi và trách nhiệm tham gia BHYT.

- Nhóm tham gia theo hộ gia đình: tuyên truyền chính sách, pháp luật về BHYT, quyền lợi khi tham gia BHYT, mức đóng và trách nhiệm đóng BHYT, vận động tham gia BHYT. Hướng dẫn cách thức đăng ký tham gia BHYT và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong tổ chức thực hiện, đảm bảo tất cả các thành viên thuộc hộ gia đình đều tham gia BHYT.

- Hộ gia đình nông, lâm nghiệp có mức sống trung bình: đẩy mạnh tuyên truyền chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế để người dân hiểu về quyền và

trách nhiệm tham gia BHYT. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho hộ gia đình trên các phương tiện thông tin đại chúng; quy trình, thủ tục thẩm định, xác nhận đối tượng. Thực hiện tốt việc hỗ trợ mức đóng BHYT cho người tham gia theo hộ gia đình theo quy định của Chính phủ.

- Đối với nhóm trẻ em dưới 6 tuổi: tăng cường trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập danh sách đề nghị cấp thẻ BHYT cho trẻ em đồng thời với việc cấp giấy khai sinh.

- Đối với người thuộc hộ gia đình cận nghèo: tiếp tục thực hiện Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 08/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về nâng mức hỗ trợ đóng BHYT cho một số đối tượng thuộc hộ gia đình cận nghèo.

#### 4. Nâng cao chất lượng và đáp ứng nhu cầu khám bệnh chữa bệnh BHYT

##### a) Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh BHYT

Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh BHYT, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh có thẻ BHYT tại cơ sở khám chữa bệnh của Nhà nước và tư nhân trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường quản lý chất lượng bệnh viện theo Bộ Tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện Việt Nam do Bộ Y tế ban hành; thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện; cải cách thủ tục hành chính và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện và khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

Cung cấp thuốc cho người bệnh BHYT đúng chỉ định, phù hợp với khả năng chi trả của quỹ BHYT; đảm bảo sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả.

##### b) Đầu tư trang thiết bị, xây dựng, cải tạo và mở rộng cơ sở hạ tầng

Tiếp tục thực hiện đầu tư, mở rộng mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe và chất lượng khám bệnh, chữa bệnh bằng nhiều hình thức, đặc biệt là y tế cơ sở; khuyến khích thực hiện xã hội hóa công tác y tế, đa dạng các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh để đáp ứng nhu cầu và chất lượng khám bệnh, chữa bệnh BHYT ngày càng cao của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

##### c) Nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ y tế các tuyến

Tăng cường đào tạo, cập nhật kiến thức, bồi dưỡng chuyên môn và chuyển giao kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh.

Đẩy mạnh công tác chỉ đạo tuyến, nâng tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ làm việc; khuyến khích người tham gia BHYT đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu tại trạm y tế xã.

#### 5. Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu

Triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, tập trung vào các hoạt động phòng chống các bệnh truyền nhiễm, quản lý tốt các

bệnh không lây nhiễm tại cơ sở y tế và tại cộng đồng; kết hợp công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe với các biện pháp chuyên môn y tế.

6. Đổi mới cơ chế tài chính và phương thức thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT: thực hiện lộ trình giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo hướng đảm bảo tính đúng, tính đủ các yếu tố cấu thành chi phí của dịch vụ. Triển khai chuyển đổi cơ chế cấp ngân sách Nhà nước cho đối tượng thụ hưởng thông qua hình thức BHYT gắn với việc điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra

Tăng cường thanh tra chuyên ngành về BHYT; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về BHYT.

Các sở, ngành, đơn vị và UBND các cấp thực hiện nghiêm việc xử phạt vi phạm hành chính về BHYT theo Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

8. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và hệ thống tổ chức thực hiện BHYT

a) Công tác quản lý nhà nước về BHYT

Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về BHYT: thành lập Phòng Bảo hiểm y tế tại Sở Y tế; tăng cường công tác đào tạo nâng cao năng lực, chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác BHYT.

b) Công tác tổ chức thực hiện chính sách BHYT

Cơ quan Bảo hiểm xã hội chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn, cơ quan Bưu điện để thực hiện việc vận động tuyên truyền và thu BHYT đối với những người tự đóng BHYT và đối tượng được Nhà nước hỗ trợ đóng BHYT.

c) Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong quản lý, sử dụng kinh phí BHYT; có kế hoạch sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí kết dư được để lại địa phương theo quy định.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Ban Chỉ đạo thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân giai đoạn 2012-2015 và 2020 tỉnh Cao Bằng (theo Quyết định 667/QĐ-UBND ngày 26/5/2014 của UBND tỉnh) giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức triển khai, thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Thành lập Tổ chuyên viên giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện.

Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện do Lãnh đạo UBND huyện, thành phố làm Trưởng ban; lãnh đạo Phòng Y tế, lãnh đạo Bệnh viện Đa khoa huyện, thành phố, lãnh đạo Bảo hiểm xã hội huyện, thành phố và đại diện lãnh đạo các phòng, ban, các tổ chức đoàn thể có liên quan tại địa phương làm thành viên để xây dựng kế hoạch, chỉ đạo,

triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân trên địa bàn.

## 2. Sở Y tế

Tăng cường và nâng cao năng lực công tác quản lý nhà nước về BHYT; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đưa chỉ tiêu phát triển BHYT toàn dân vào chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội hàng năm, 5 năm của tỉnh.

Chủ trì, phối với Bảo hiểm xã hội tỉnh và các ngành liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch theo từng giai đoạn; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân giai đoạn 2012-2020 tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tham mưu, tổ chức thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ y tế trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu triển khai thực hiện Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về “Cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám chữa bệnh công lập” đối với các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về BHYT.

Báo cáo, đề xuất các giải pháp với UBND tỉnh khi có phát sinh vướng mắc để chỉ đạo kịp thời.

Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHYT.

## 3. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Xây dựng kế hoạch, kinh phí tuyên truyền chính sách pháp luật về BHYT; chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan trong công tác kiểm tra tiến trình thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân theo kế hoạch và tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về BHYT trên địa bàn tỉnh; tổ chức sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo và UBND tỉnh kết quả thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, UBND các huyện, thành phố các sở, ngành, đoàn thể liên quan tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về BHYT và kế hoạch thực hiện lộ trình BHYT toàn dân đảm bảo mục tiêu đề ra. Thực hiện các chế độ, chính sách về BHYT, quản lý và sử dụng Quỹ BHYT theo quy định của pháp luật. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết tốt các chế độ BHYT.

## 4. Sở Tài chính

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thu, chi, hỗ trợ mức đóng BHYT cho các đối tượng theo quy định.

Phối hợp với Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các sở, ngành có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng quỹ BHYT.

#### 5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Hướng dẫn các đơn vị thực hiện các giải pháp cụ thể về cách thức tổ chức thực hiện việc xác định đối tượng, lập danh sách đối tượng (người nghèo, người cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội...), việc thu, đóng BHYT, phát hành thẻ BHYT đối với các nhóm đối tượng được ngân sách hỗ trợ mua BHYT theo quy định.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BHYT trên địa bàn. Kiểm tra, rà soát các đối tượng thuộc diện theo dõi, quản lý đảm bảo chính xác, tránh trùng lặp, bỏ sót đối tượng; phối hợp với cơ quan BHXH thực hiện kịp thời việc lập danh sách, cấp thẻ BHYT hàng năm đến đối tượng.

Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chính sách, pháp luật về BHYT.

#### 6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các sở, ngành liên quan nhằm nâng cao chất lượng công tác BHYT trong trường học, xây dựng kế hoạch phát triển, mở rộng tham gia BHYT đối với học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố, các trường trên địa bàn tỉnh thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Luật BHYT. Phấn đấu 100 % học sinh, sinh viên trong nhà trường tham gia bảo hiểm y tế.

#### 7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình phối hợp với các ngành liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHYT với nhiều hình thức, nội dung phù hợp với các nhóm đối tượng.

#### 8. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các sở, ngành có liên quan trong việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng hệ thống tổ chức, bộ máy thực hiện chính sách BHYT tại địa phương theo Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

#### 9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các sở, ngành có liên quan trong việc thực hiện Kế hoạch thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân giai đoạn 2015-2020 của tỉnh; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đưa chỉ tiêu BHYT toàn dân vào hệ thống chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm của tỉnh.

10. Ban Dân tộc tỉnh: phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chính sách BHYT đối với người dân tộc thiểu số.

11. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh

- Thường xuyên kiểm tra và có biện pháp đôn đốc các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn việc thực hiện chế độ bảo hiểm y tế bắt buộc đối với người lao động thuộc diện quản lý theo quy định.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành có liên quan tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, BHYT cho người sử dụng lao động và người lao động trong khu vực quản lý.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện kế hoạch lộ trình tiến tới BHYT toàn dân giai đoạn 2015-2020 tại địa phương.

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tổ chức thực hiện các chỉ tiêu bao phủ BHYT hàng năm tại địa phương. Đưa mục tiêu, kế hoạch, tỷ lệ bao phủ BHYT là một chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và ngắn hạn của địa phương. Triển khai thực hiện mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát, phê duyệt danh sách đối tượng tham gia BHYT do ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ và hỗ trợ một phần mức đóng bảo hiểm y tế; tổng hợp, cập nhật danh sách hộ gia đình có mức sống trung bình trên địa bàn làm cơ sở thực hiện chính sách được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo pháp luật bảo hiểm y tế.

- Chỉ đạo thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong thực hiện pháp luật về BHYT tại địa phương, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng quỹ BHYT trên địa bàn.

13. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể tỉnh

- Phối hợp với Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh tuyên truyền giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về BHYT, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên tham gia BHYT.

- Vận động các nguồn lực hỗ trợ cho hộ gia đình nông dân tham gia BHYT.

- Tham gia đề xuất các chính sách đối với phụ nữ trong thực hiện chính sách pháp luật về BHYT và chăm sóc sức khỏe, gắn với mục tiêu bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.

14. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh

Phối hợp tuyên truyền, vận động tuân thủ chính sách, pháp luật bảo hiểm y tế đối với người lao động, người sử dụng lao động.

Tham gia kiểm tra, giám sát việc tham gia BHYT đối với người lao động tại các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

#### IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ một phần mức đóng BHYT cho các nhóm đối tượng theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí để thực hiện các nội dung kế hoạch được lấy từ nguồn ngân sách chi thường xuyên và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định để chi cho các hoạt động chủ yếu sau: tuyên truyền; quản lý, lập danh sách và phát hành thẻ BHYT tới các đối tượng; kiểm tra, giám sát; nghiên cứu, đánh giá; hội thảo, hội nghị, tập huấn; đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác BHYT.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2015-2020. Căn cứ Kế hoạch này các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện; định kỳ hàng năm báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện với Ban chỉ đạo thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Y tế - Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo để tổng hợp)./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Bộ Y tế;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực UBNDTTQ tỉnh;
- Các ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh: Lãnh đạo VP, các CV, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, VX.



**Trần Hùng**




 Biểu 01: LỘ TRÌNH THỰC HIỆN BẢO HIỂM Y TẾ TOÀN DÂN TỈNH CAO BANG GIAI ĐOẠN 2015-2020

(Kèm theo Kế hoạch số 3916 /KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Số TT	Chi tiêu	Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
		Số đối tượng	Số với năm 2013 Số tuyệt đối	Số với năm 2013 Số tương đối (%)	Số đối tượng	Số tuyệt đối	Số tương đối (%)					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	TỶ LỆ THAM GIA SO VỚI DÂN SỐ	94,6%			91,2%			91,8%	92,5%	93,5%	94,8%	96,0%
II	DÂN SỐ	519.538			521.500			523.090	525.022	527.062	528.710	530.460
III	ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHYT	491.421	659	100%	475.608	-15.813	97%	480.195	485.647	492.803	501.218	509.240
A	Nhóm do người LĐ và NSDLĐ đóng	35.510	720	102%	36.193	682	102%	38.603	39.400	41.882	45.584	50.759
1	Người lao động	35.510	722	102%	36.178	667	102%	38.580	39.377	41.856	45.530	50.678
2	Cán bộ không ch/trách cấp xã		-2	0%	15	15		23	23	27	54	80
B	Nhóm do tổ chức BHXH đóng	19.346	192	101%	19.922	577	103%	20.052	20.182	20.313	20.445	20.578
1	Hưu trí, trợ cấp mất sức lao động	19.013	188	101%	19.584	570	103%	19.711	19.839	19.968	20.098	20.228
2	Trợ cấp TNLD-BNN, QĐ dài ngày	32	0	101%	33	1	102%	33	33	33	34	34
3	Cán bộ xã hưởng trợ cấp BHXH	168	2	101%	171	3	102%	172	173	174	176	177
4	Trợ cấp thất nghiệp	132	1	101%	135	3	102%	136	137	138	138	139
C	Ngân sách nhà nước đóng	419.887	-1.339	100%	396.553	-23.334	94%	397.582	399.178	400.751	402.387	403.915
1	Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp											
2	Cán bộ xã hưởng trợ cấp NSNN	381	4	101%	384	3	101%	386	388	390	392	394
3	Thời hưởng trợ cấp MSLEĐ	370	-291	56%	378	7	102%	380	382	385	387	390
4	NCC cách mạng, cựu chiến binh	4.158	(823)	83%	4.289	131	103%	4.174	4.070	3.977	3.895	3.800
5	Đại biểu Quốc hội, HĐND	2.371	23	101%	2.390	19	101%	2.405	2.418	2.431	2.443	2.456
6	Trẻ em dưới 6 tuổi	45.994	680	102%	47.466	1.472	103%	47.940	48.808	49.540	50.531	51.541
7	Trợ cấp bảo trợ xã hội	10.286	490	105%	11.314	1.029	110%	11.541	11.887	12.243	12.611	12.863
8	Người nghèo, dân tộc thiểu số	353.860	-1.447	100%	327.691	-26.169	93%	328.019	328.347	328.839	329.168	329.497
9	Thần nhân liệt sỹ											
10	Thần nhân NCC với CM	784	8	101%	790	6	101%	794	798	802	806	810
11	Thần nhân LLVT, cơ yếu	1.683	17	101%	1.851	168	110%	1.943	2.080	2.142	2.153	2.163
12	Người đã hiến bộ phận cơ thể							0	0	0	0	0
13	Lưu học sinh							0	0	0	0	0

Số TT	Chi tiêu	Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
		Số đối tượng	Số với năm 2013 Số tuyệt đối	Số với năm 2013 Số tương đối (%)	Số đối tượng	Số tuyệt đối	Số tương đối (%)					
A	B											
D	Nhóm được NSNN hỗ trợ mức đóng	8.198	370	105%	10.219	2.021	10.602	10.859	11.184	11.573	11.898	
1	Người thuộc hộ cận nghèo	213	3	102%	637	424	829	891	917	1.100	1.320	
2	Học sinh, sinh viên	7.984	366	105%	9.581	1.597	9.773	9.968	10.267	10.473	10.578	
E	Nhóm tham gia BHYT theo HGD	8.480	716	109%	12.721	4.240	13.357	16.028	18.673	21.229	22.091	
1	Hộ gia đình	8.480	716	109%	12.721	4.240	13.357	16.028	18.673	21.229	22.091	
F	Nhóm đối tượng khác											

Ghi chú:

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Dân số	521.500	523.090	525.023	527.062	528.711	530.459
Tỷ lệ/dân số	91,20	91,80	92,50	93,50	94,80	96,00
Số người cần đạt	475.608	480.197	485.646	492.803	501.218	509.241

## Biểu 02: LỘ TRÌNH THỰC HIỆN BẢO HIỂM Y TẾ TOÀN DÂN TỈNH CAO BẰNG GIAI ĐOẠN 2015-2020

(Kèm theo Kế hoạch số: 39/HK /KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Đơn vị	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Số người	Tỷ lệ/DS	Số người	Tỷ lệ/DS	Số người	Tỷ lệ/DS	Số người	Tỷ lệ/DS	Số người	Tỷ lệ/DS	Số người	Tỷ lệ/DS	Số người	Tỷ lệ/DS
1	Thành phố	49.386	72,4%	52.039	76,0%	53.954	78,6%	55.033	79,9%	56.849	82,3%	58.554	84,5%	60.018	86,3%
2	Bảo Lâm	54.752	95,4%	54.916	95,3%	55.356	95,7%	55.799	96,0%	56.357	96,6%	56.921	97,1%	57.490	97,7%
3	Bảo Lạc	50.171	98,3%	50.322	98,1%	50.472	97,9%	50.724	97,9%	50.876	97,8%	51.130	97,8%	51.386	97,8%
4	Thông Nông	24.047	99,7%	24.071	99,8%	24.095	99,8%	24.119	99,8%	24.143	99,8%	24.167	99,8%	24.288	99,8%
5	Hà Quảng	34.658	99,7%	32.905	97,0%	33.102	97,2%	33.367	97,6%	33.667	98,2%	34.004	98,8%	34.344	99,5%
6	Trà Lĩnh	22.070	99,8%	22.114	99,8%	22.125	99,8%	22.136	99,8%	22.147	99,8%	22.158	99,8%	22.169	99,8%
7	Trùng Khánh	49.163	99,5%	45.955	92,8%	46.184	93,0%	46.646	93,7%	47.579	95,4%	48.293	96,6%	48.679	97,1%
8	Hạ Lang	26.014	99,8%	25.074	98,1%	25.275	98,7%	25.401	99,0%	25.563	99,5%	25.691	99,8%	25.742	99,8%
9	Quảng Uyên	39.535	97,8%	35.482	87,6%	35.837	88,2%	36.375	89,3%	37.211	91,1%	38.315	93,5%	39.081	95,2%
10	Phục Hòa	20.840	89,6%	19.248	82,3%	19.441	82,6%	19.981	84,4%	20.591	86,5%	21.456	89,6%	22.379	92,9%
11	Hòa An	48.450	89,6%	42.435	78,3%	42.901	79,1%	44.188	81,3%	45.514	83,6%	47.790	87,6%	50.423	92,2%
12	Nguyễn Bình	40.175	99,8%	38.877	96,5%	39.266	97,2%	39.659	97,9%	40.055	98,5%	40.456	99,2%	40.861	99,9%
13	Thạch An	32.160	99,8%	32.171	99,8%	32.187	99,8%	32.219	99,8%	32.251	99,8%	32.283	99,8%	32.380	99,8%
	Tổng cộng	491.421	94,6%	475.608	91,2%	480.195	91,8%	485.647	92,5%	492.803	93,5%	501.218	94,8%	509.240	96,0%